



I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

- HS biết được những nét cơ bản về tỉ lệ các bộ phận trên khuôn mặt người.
- Hiểu được sự biểu hiện tình cảm trên nét mặt.
- Tập vẽ được chân dung.

II – CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng dạy – học

Giáo viên

- Hình minh họa tỉ lệ khuôn mặt người (phóng to H.2, 3 trong SGK).
- sưu tầm tranh, ảnh chân dung các lứa tuổi (như H.1 trong SGK).

Học sinh

- Ảnh chân dung (nếu có).
- Giấy, bút chì, màu.

2. Phương pháp dạy – học

- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp vấn đáp.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét

- GV giới thiệu một số tranh, ảnh chân dung (trai, gái, già, trẻ) và gợi ý để HS thấy được những điểm chung trên khuôn mặt người : tóc, tai, mắt, mũi, miệng,...

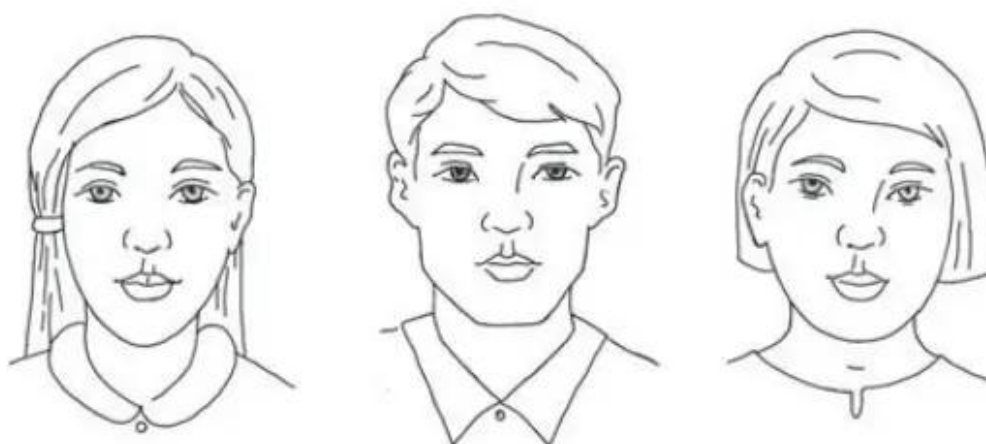
- GV đặt câu hỏi : Ai cũng có tóc, tai, mũi, miệng,... nhưng vì sao ta lại nhận ra người này, nhận ra người kia mà không bị nhầm lẫn ? (Có thể lấy ví dụ ở hai HS nam hoặc nữ trong lớp).
- Đặt câu hỏi để HS suy nghĩ, không yêu cầu trả lời.

Hình dáng khuôn mặt

- GV giới thiệu ảnh chân dung hoặc hình 1 trong SGK hay hình dáng các khuôn mặt dưới đây và gợi ý để HS nhận ra hình dáng bề ngoài của các khuôn mặt không giống nhau :

- + Hình quả trứng (trên to, dưới hơi nhỏ) ;
- + Hình trái xoan (hình quả xoan, hình ôvan, trên và dưới gần giống nhau) ;
- + Hình trái lê (trên nhỏ, dưới phình to hơn) ;
- + Hình vuông chữ điền (trán vuông, cằm bạnh) ;
- + Khuôn mặt dài hoặc ngắn.

- GV vẽ lên bảng hình một số khuôn mặt để HS quan sát.



Hình 1. Hình dáng một số khuôn mặt người

Tương quan tỉ lệ các bộ phận

- GV gợi ý để HS nhận ra tương quan tỉ lệ các bộ phận (mắt, mũi, miệng, tai,...) của mọi người khác nhau :
- + Tương quan to nhỏ, rộng hẹp của mắt, mũi, miệng,...
 - Miệng rộng, miệng hẹp ; môi mỏng, môi dày, môi cong,...
 - Mắt to, mắt dài, mắt “híp”,...

- + Khoảng cách xa, gần (theo chiều ngang mặt) hoặc dài, ngắn (theo chiều dọc mặt) giữa mắt, mũi, miệng,...
 - Trán ngắn, trán dài (trán cao).
 - Mũi ngắn, mũi dài.
 - Cằm ngắn hay dài (miệng gần hay xa chân mũi).
 - Hai mắt gần hay xa nhau ; mắt ngang hay xếch,...
 - Lông mày to (đậm) hay nhỏ (thanh) hoặc cong hay xếch,...
- GV tóm tắt : Chính vì có sự khác nhau giữa hình dáng bề ngoài và tương quan tỉ lệ các bộ phận (mắt, mũi, miệng,...) mà mặt của mọi người không giống nhau.

Hoạt động 2

Hướng dẫn HS quan sát nhận xét tỉ lệ mặt người

- GV giới thiệu hình 2, 3 trang 114 SGK hoặc các khuôn mặt ở trang 55 trong sách này để HS nhận ra tỉ lệ các bộ phận theo chiều dài của mặt.

Chiều dài của mặt (tính từ đỉnh đầu đến cằm) được chia ra như sau :

- Tóc (từ đỉnh đầu đến trán) ;
 - Trán ở vị trí khoảng $\frac{1}{3}$ chiều dài khuôn mặt ;
 - Mắt ở vị trí khoảng $\frac{1}{3}$ từ lông mày đến chân mũi ;
 - Miệng ở vị trí khoảng $\frac{1}{3}$ từ chân mũi đến cằm ;
 - Tai ở vị trí khoảng từ ngang lông mày đến chân mũi.
- GV yêu cầu HS nhìn nét mặt của nhau để thấy tỉ lệ trên.
- GV gợi ý để HS nhận ra tỉ lệ của các bộ phận theo chiều rộng (xem hình 2 trang 114 SGK) :
- + Khoảng cách giữa 2 mắt bằng khoảng $\frac{1}{5}$ chiều rộng khuôn mặt ;
 - + Chiều dài mỗi con mắt bằng khoảng $\frac{1}{5}$ chiều rộng khuôn mặt ;
 - + Hai thái dương bằng khoảng $\frac{2}{5}$ chiều rộng khuôn mặt ;

- + Khoảng cách giữa hai cánh mũi thường rộng hơn khoảng cách giữa hai con mắt.
- + Miệng rộng hơn mũi.
- GV yêu cầu HS nhìn nét mặt của nhau để thấy tỉ lệ trên.
- GV tóm tắt : Đây là tỉ lệ chung, có tính khái quát nhất ở nhiều nét mặt.

Lưu ý :

- + Dựa vào tỉ lệ chung này, khi vẽ cần so sánh, đối chiếu để tìm ra tỉ lệ thích hợp cho từng nét mặt.
- + Không nên áp dụng máy móc tỉ lệ chung này khi vẽ chân dung một người nào đó.

Hoạt động 3

Hướng dẫn HS làm bài

- GV nêu yêu cầu của bài tập : nhìn nét mặt của bạn, vẽ phác hình dáng bề ngoài và tỉ lệ các bộ phận (tóc, mắt, mũi, miệng...). Có thể làm bài tập như sau :
 - + Vẽ trên bảng (cho 3 hoặc 4 HS lên vẽ trên bảng) ;
 - + Vẽ vào giấy (HS còn lại).
- GV gợi ý và giúp HS làm bài.

Hoạt động 4

Đánh giá kết quả học tập

- GV gợi ý HS nhận xét một số hình vẽ trên bảng và ở bài vẽ về :
 - + Hình dáng chung ;
 - + Đặc điểm một số nét mặt.
- GV bổ sung.

Bài tập về nhà

- Quan sát khuôn mặt người thân và tìm ra đặc điểm của mắt, mũi, miệng.
- Xem trước và chuẩn bị cho bài sau.
- Đọc và làm bài tham khảo ở SGK.

Bài tham khảo

TẬP VẼ CÁC TRẠNG THÁI TÌNH CẢM TRÊN NÉT MẶT

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trang 116 SGK và gợi ý để các em nhận xét về các trạng thái tình cảm trên các nét mặt :
 - + Con mắt khi vui, buồn, tức giận thay đổi hình dạng như thế nào ?
 - + Cùng với con mắt thì trán, lông mày, mũi, miệng, như thế nào ?
- GV tóm tắt :
 - + Con mắt thường biểu hiện trạng thái tình cảm của con người.
 - + Trán, lông mày, mũi, miệng cũng biến đổi theo các trạng thái tình cảm của con mắt.
 - + Con mắt được coi là “cửa sổ tâm hồn” bởi qua con mắt và sự biến đổi của nó ta có thể biết được con người đó vui, buồn hay đang suy nghĩ như thế nào.
- GV yêu cầu HS nhìn nét mặt của nhau và nhận xét qua sự thay đổi trạng thái tâm lí (vui, buồn, cau có,...).
- GV nhắc HS về nhà đọc kĩ nội dung bài tham khảo.
- Quan sát các nét mặt ở hình 1 và tập thể hiện các trạng thái tình cảm trên nét mặt ở hình 2.